

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM DƯƠNG  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình La và bà Nguyễn Thị Nghi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đào Xuân Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Th, sinh năm 1992, có mặt

*Bị đơn:* Anh Trần Thế T, sinh năm 1982, vắng mặt

Đều cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Thế T kết hôn ngày 12/9/2011, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh T tại Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T. Quá trình chung sống, đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu chu làm ăn, thường xuyên mắng chửi vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, chị Th bỏ ra ngoài ở riêng từ tháng 12 năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Ánh T, sinh ngày 21/7/2012 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2014, hiện hai cháu ban ngày thì ở cùng chị, tối chị đưa hai cháu về nhà anh T ở. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T và cháu B, không yêu cầu anh T cấp

dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Th thay đổi yêu cầu giao nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu Trần Ánh T, anh T nuôi cháu Trần Gia B, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Thế Tài trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị Th trình bày về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn là đúng. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ghi ngờ chị Th sống không chung thủy, có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh không có chứng cứ chứng minh dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, chị Th bỏ ra ngoài ở riêng từ tháng 12 năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận và thống nhất với quan điểm của chị Th, đề nghị giao cho chị Th trực tiếp nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngày 10/5/2023 anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh nuôi cháu Trần Gia B, chị Th nuôi cháu Trần Ánh T, anh và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Th, cho chị Th được ly hôn anh Trần Thế T; Giao cho chị Th nuôi cháu T; anh T nuôi cháu B; chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Th phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Hồng Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thế T; anh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Thế T, mặc dù anh T có mặt tại địa phương nhưng anh T không đến

Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Hồng Th và anh Trần Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Từ tháng 12 năm 2022 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn chị Th nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chị Th kiên quyết xin ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung:

Chị Th và anh T có 02 con chung, hiện đang ở cùng anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đề nghị Tòa án giao cho chị Th nuôi 02 con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau đó, chị Th và anh T thay đổi yêu cầu giao nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh T nuôi cháu Trần Gia B, chị Th nuôi cháu Trần Ánh T, anh T và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị Th và anh T là chính đáng, chị Th và anh T đều có chỗ ở ổn định và có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con đồng thời anh chị đều thống nhất về việc giao nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của hai bên cũng như tạo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị Th và anh T, giao cho chị Th trực tiếp nuôi cháu T, anh T trực tiếp nuôi cháu B, chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Th và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Trần Thị Hồng Th được ly hôn anh Trần Thế T.

2. Giao cho chị Trần Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ánh T, sinh ngày 21/7/2012; anh Trần Thế T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2014. Chị Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

**3.** Chị Trần Thị Hồng Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0003303, ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND TT. Hợp Hòa, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**